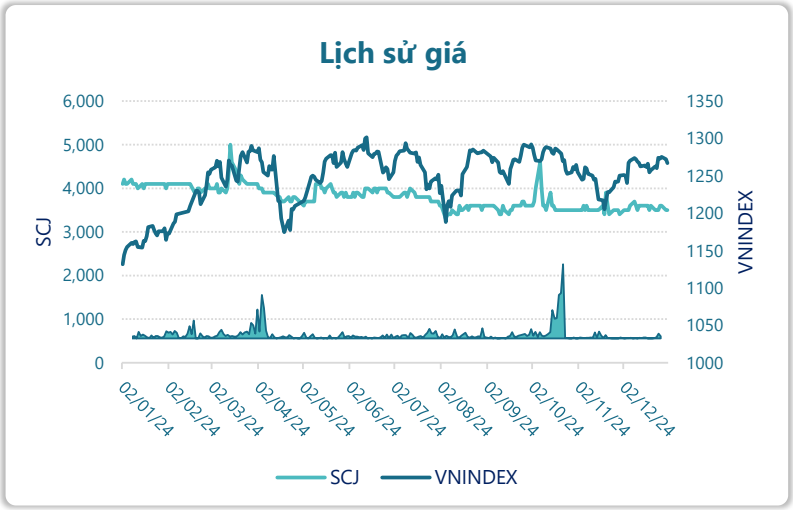
FireAnt

CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,980
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	202
P/E	16.0
EPS	219

DT thuần

Q4/24

374

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.0| 19.4%

YoY: ▲ 51.0| 15.7%

LN sau thuế

Q4/24

4.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.28| -5.4%

YoY: ▲ 2.29| 87.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.6%

+/- YoY: ▼ 3.6%

DT thuần

2024

1,277

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 101| 8.5%

LN sau thuế

2024

12.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.83| 60.8%

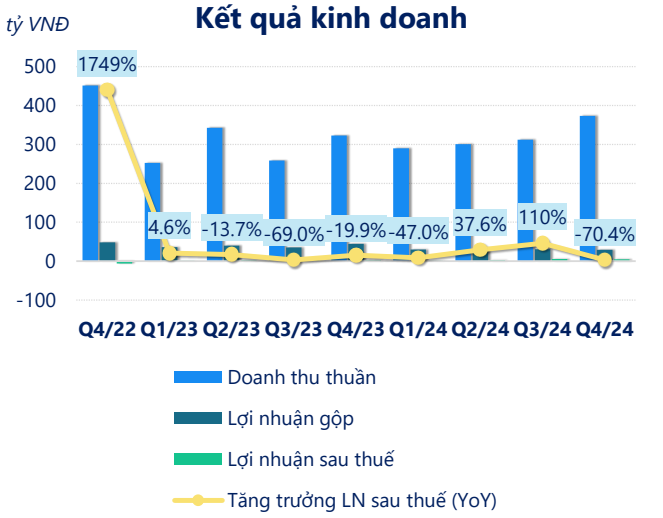
ROE

2024

1.8%

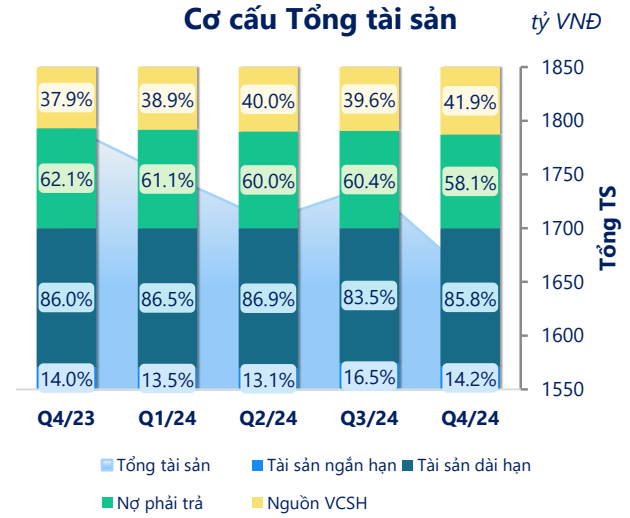
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



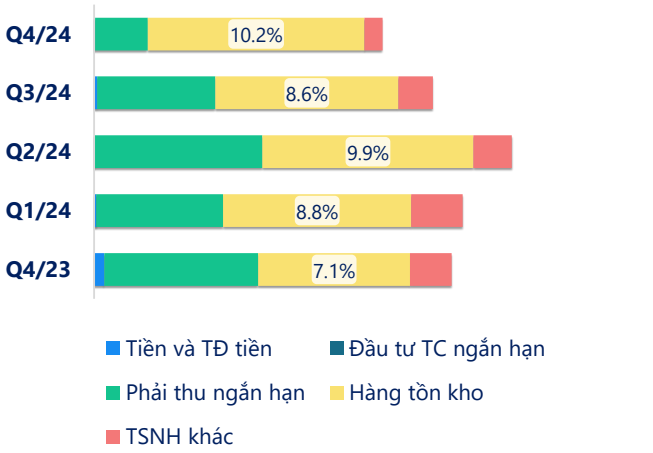
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



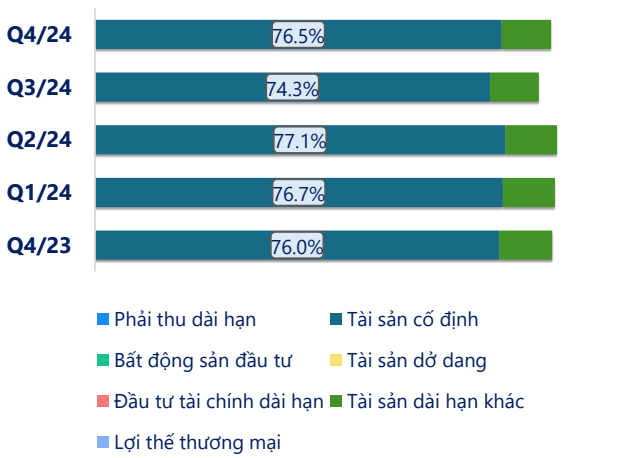
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



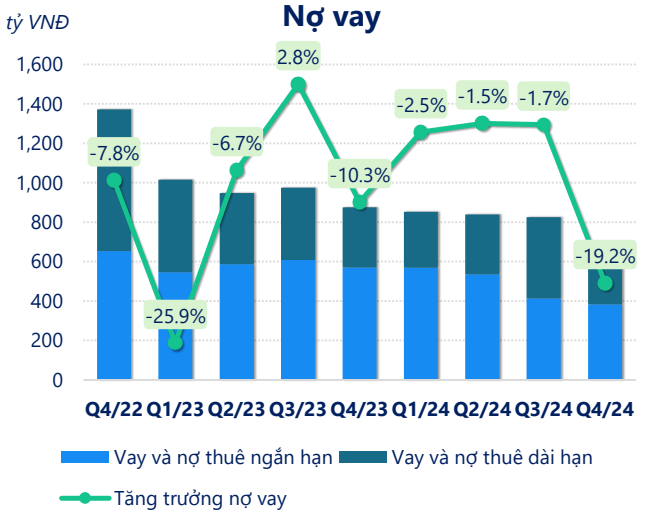
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



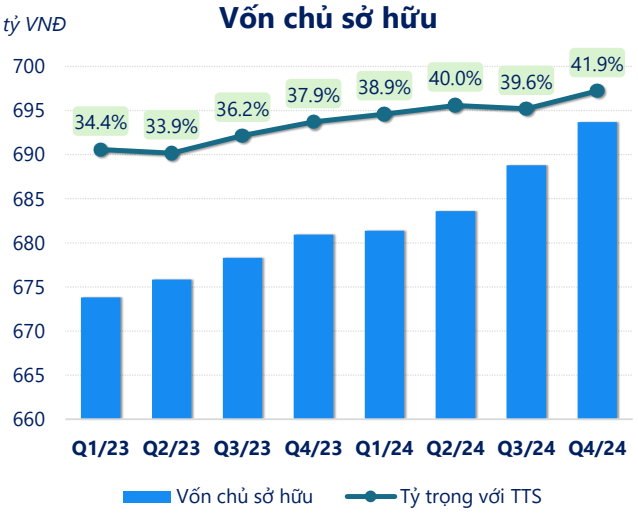
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



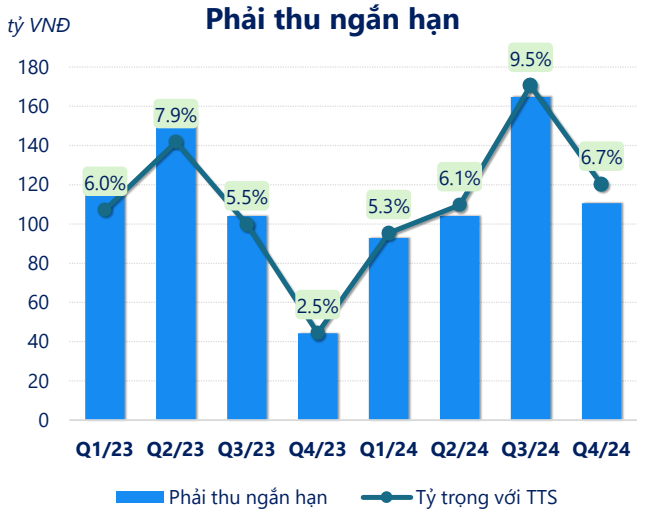
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



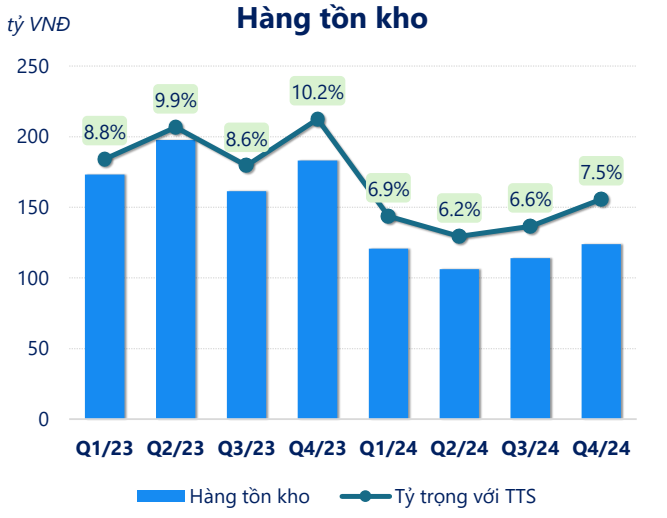
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



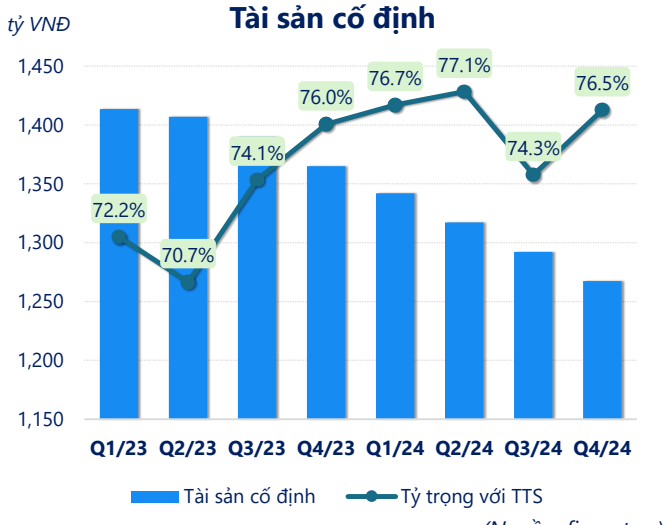
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



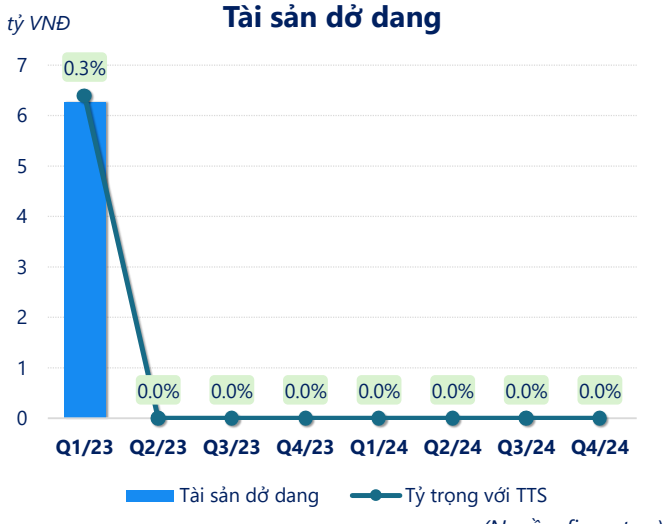
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



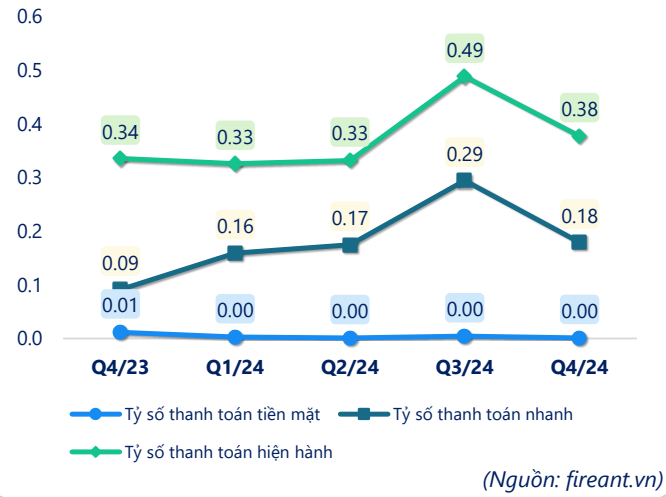
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



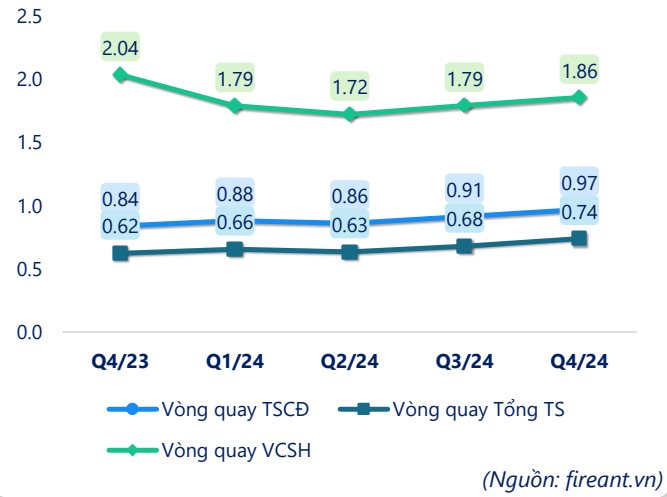
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,796**	**1,750**	**1,707**	**1,739**	**1,657**
Tài sản ngắn hạn	**251**	**236**	**224**	**287**	**236**
Tiền và tương đương tiền	8.64	1.90	0.68	2.57	0.85
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	44.3	92.8	104	165	111
Hàng tồn kho	183	121	106	114	124
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	20.5	13.3	6.00	0.39
Tài sản dài hạn	**1,544**	**1,514**	**1,483**	**1,452**	**1,421**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,365	1,342	1,317	1,292	1,267
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	179	172	166	160	154
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,115**	**1,069**	**1,024**	**1,050**	**963**
Nợ ngắn hạn	**750**	**724**	**675**	**589**	**625**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	570	569	536	414	383
Phải trả người bán ngắn hạn	116	39.7	101	145	218
Nợ dài hạn	365	344	349	461	338
Vay và nợ thuê dài hạn	305	284	304	412	284
Nguồn vốn chủ sở hữu	**681**	**681**	**684**	**689**	**694**
Vốn chủ sở hữu	**681**	**681**	**684**	**689**	**694**
Vốn điều lệ	578	578	578	578	578
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)